

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 – 01 – 2021  
*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phan Văn Chiêu**

2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Yến V**, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh C có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2018, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6/2020 đến nay do mâu thuẫn, sống chung không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 người con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 07/4/2018, hiện đang sống với anh C. Chị yêu cầu giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh trình bày thống nhất với lời khai của chị V về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn và ly thân. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do vợ chồng anh không có đăng ký kết hôn và chị V tự ý bỏ đi.

Về con chung: Anh và chị V có một người con chung như chị V trình bày là đúng. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh C.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim Y, sinh ngày 07/4/2018 cho anh C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị V có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C, anh C đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị V và anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị V và anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: xét thấy chị V và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị V và anh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 và đã có con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị V và anh C là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị V yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh C.

[4] Về con chung: Chị V và anh C thống nhất có một người con chung là Nguyễn Kim Y, sinh ngày 07/4/2018, hiện đang sống chung với anh C. Chị V yêu cầu giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, anh C đồng ý, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Kim Y, sinh ngày 07/4/2018 cho anh C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh C không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Yến V và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Y, sinh ngày 07/4/2018 cho anh Nguyễn Văn C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị Yến V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị V đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009705 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Văn C không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**